

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 245/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Trân - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hòa Bình
2. Bà Hồ Thị Lang

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà - Toà án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Thiên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 0220/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Xuân L**, sinh năm 1994, CCCD số 082194001874, thường trú: 115 Ung Văn Khiêm, phường Thạnh Mỹ Tây (Phường 25, quận Bình Thạnh cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: 224/1/20 Ung Văn Khiêm, phường Thạnh Mỹ Tây (Phường 25, quận Bình Thạnh cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Xuân L**, sinh năm 1987, CCCD số 051087000015 thường trú: 115 Ung Văn Khiêm, phường Thạnh Mỹ Tây (Phường 25, quận Bình Thạnh cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: 224/1/20 Ung Văn Khiêm, phường Thạnh Mỹ Tây (Phường 25, quận Bình Thạnh cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân L trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa như sau: Bà và ông Huỳnh Xuân Lãm tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 25, quận Bình Thạnh (nay là phường Thạnh Mỹ Tây), Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 12/02/2018. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, khác biệt về lối sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã. Từ năm 2024 đến nay, bà và ông L đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Phạm Thị Xuân L khai quá trình chung sống giữa bà và ông L có 01 con chung, là trẻ Huỳnh Phúc K, sinh ngày 24/8/2018, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Xuân L khai do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị Xuân L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

**Bị đơn ông Huỳnh Xuân L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông L không đến Tòa tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân L, không có yêu cầu phản tố.*

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Xuân L vắng mặt, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông L không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Xuân L được quyền ly hôn với ông Huỳnh Xuân L.

- Về quan hệ con chung: Giao trẻ Huỳnh Phúc K (nam), sinh ngày 24/8/2018 cho bà Phạm Thị Xuân L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Huỳnh Xuân L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Xuân L và ông Huỳnh Xuân L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Xuân L và ông Huỳnh Xuân L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp: Bà Phạm Thị Xuân L có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với ông Huỳnh Xuân L. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2. Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Huỳnh Xuân L cư trú tại phường Thạnh Mỹ Tây (Phường 25, quận Bình Thạnh cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Về tư cách tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L.

Bị đơn ông Huỳnh Xuân L không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt. Ông L không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hay vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Trích lục kết hôn (bản sao) số 140/TLKH – BS ngày 14/02/2025 do Ủy ban nhân dân Phường 25, quận Bình Thạnh (nay là phường Thạnh Mỹ Tây), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì ông Huỳnh Xuân L và bà Phạm Thị Xuân L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 25, quận Bình Thạnh (nay là phường Thạnh Mỹ Tây), Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 12/02/2018 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Xuân L và bà Phạm Thị Xuân L là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Phạm Thị Xuân L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Xuân L vì quá trình chung sống vợ chồng giữa bà và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến bà và ông L đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống mỗi nơi khác nhau, việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là khó thành do tình cảm vợ chồng không còn.

Xét thấy: Hôn nhân được duy trì do sự tự nguyện và trên cơ sở mục đích của hôn nhân phải đạt được, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc. Nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân L xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Huỳnh Xuân L không còn, hôn nhân giữa bà và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Bị đơn ông Huỳnh Xuân L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông L không đến Tòa cũng như không có văn bản trình bày ý kiến về việc thực hiện các hoạt động nào để có thể hàn gắn, gắn bó tình cảm vợ chồng nhằm cải thiện tình cảm giữa ông với bà L. Điều đó cho thấy ông L không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông với bà L.

Với nhận định như trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định rằng hôn nhân giữa bà Phạm Thị Xuân L và ông Huỳnh Xuân L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận cũng như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Về phần con chung: Bà Phạm Thị Xuân L khai quá trình chung sống giữa bà và ông Huỳnh Xuân L có hai con chung là trẻ Huỳnh Phúc K (nam), sinh ngày 24/8/2018. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù ông Huỳnh Xuân L đã được Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nhưng ông L không có ý kiến và yêu cầu gì về việc bà Phạm Thị Xuân L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, nhằm bảo đảm sự phát triển toàn diện của trẻ tránh sự thay đổi tâm sinh lý, xáo trộn cuộc sống hằng ngày của trẻ nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L cũng như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh giao Huỳnh Phúc K (nam), sinh ngày 24/8/2018 cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là đúng quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Xuân L không yêu cầu ông Huỳnh Xuân L cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về phần tài sản chung:

Bà Phạm Thị Xuân L khai do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Huỳnh Xuân L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về phần nợ chung:

Bà Phạm Thị Xuân L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Huỳnh Xuân L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Xuân L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 266, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ quốc hội về việc thành lập TAND cấp tỉnh, TAND khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của TAND cấp tỉnh, TAND khu vực;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử : Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Xuân L được quyền ly hôn với ông Huỳnh Xuân L.

2. Về quan hệ con chung: Giao trẻ Huỳnh Phúc K (nam), sinh ngày 24/8/2018 cho bà Phạm Thị Xuân L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Huỳnh Xuân L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Xuân L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; bà Phạm Thị Xuân L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của trẻ, trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Xuân L và ông Huỳnh Xuân L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Xuân L và ông Huỳnh Xuân L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Phạm Thị Xuân L phải chịu được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0054792 ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh (Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cũ).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV5, TP.HCM ;
- Phòng THADS KV5, TP.HCM;
- Đương sự;
- LưuVP/HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thảo Trân